

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,218.54	755	15,265,000
Được chi trong ngày					15,265,000
Đã chi trong ngày					15,265,000
1. Dịch vụ					1,516,200
1	Dịch vụ thu		0	394	0
2	Dịch vụ thu		4,200	361	1,516,200
3			0	361	0
2. Kho					2,618,000
Ăn chính					2,618,000
1	Sữa Meta Care Kinder	Kg	259,000	7	1,813,000
2	Gạo tẻ	Kg	23,000	35	805,000
3. Đi chợ					11,130,800
Ăn sáng					3,898,800
1	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
2	Tỏi	Kg	150,000	0.7	105,000
3	Nấm rơm	Kg	140,000	5	700,000
4	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
5	Đường cát	Kg	30,000	1.3	39,000
6	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1	25,000
7	Muối iốt	Gói	4,000	2.08	8,300
8	Sả	Kg	14,000	1	14,000
9	Đường phèn	Kg	35,000	0.9	31,500
10	Ngò rí	Kg	50,000	1.5	75,000
11	Ức gà phi lê	Kg	90,000	15	1,350,000
12	Nấm đông cô khô	Kg	350,000	1.5	525,000
13	Hành lá	Kg	50,000	1.5	75,000
14	Ngô (Bắp) Tươi	Trái	12,000	18	216,000
15	Bún tươi	Kg	18,000	30	540,000
Ăn chính					7,232,000
1	Đậu phộng (hạt)	Kg	60,000	5.5	330,000
2	Mè	Kg	100,000	3.5	350,000
3	Cà chua	Kg	60,000	5.5	330,000
4	Đậu bắp	Chai	20,000	3	60,000
5	Giá đậu xanh	Kg	13,000	3.3	42,900
6	Hành củ tươi	Chai	80,000	1.3	104,000
7	Me chua	Gói	60,000	2.4	144,000
8	Rau ngổ	Kg	20,000	1.4	28,000
9	Tỏi	Kg	150,000	0.9	135,000
10	Thơm (Dứa)	Kg	25,000	7	175,000
11	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.4	70,000
12	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt d	Kg	130,000	5.5	715,000
13	Đường cát	Kg	30,000	2.3	69,000
14	Nước mắm cá loại I	Trái	25,000	1.4	35,000
15	Muối iốt	Kg	4,000	1.5	6,000
16	Rau húng quế	Kg	20,000	1.7	34,000
17	hạt màu điều	Chai	10,000	2	20,000
18	Đường phèn	Kg	35,000	1.3	45,500
19	sợi mì quảng	Kg	20,000	20	400,000

20	Ngò rí	Kg	50,000	1.4	70,000
21	Xương Heo	Kg	120,000	3	360,000
22	Hành lá	Kg	50,000	1.5	75,000
23	Củ cái	Kg	20,000	5	100,000
24	Sữa chua uống Ánh Hồng	Chai	4,400	394	1,733,600
25	Cá bè lão	Kg	180,000	10	1,800,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					52,189,424
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					209,938,576
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng				14,410	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					291,150,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					291,150,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phạm Thị Ngà

Phó hiệu trưởng

Phạm Thị Hồng Huế